

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con giữa anh T và chị H”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng

Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐST-HN, ngày 05/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1981; Địa chỉ: khóm II, t t ML, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Chị Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khóm II, tt ML, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Con chung của anh T và chị H tên:

- Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004. Vắng mặt

- Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H quen nhau năm 2004 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống anh và chị H có 02 con

chung tên Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 anh đang nuôi dưỡng, anh T cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng hòa giải để đoàn tụ nhưng không có tiếng nói chung cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ly thân 04 năm nay tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ H.

Về con chung tên: Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 anh yêu cầu được nuôi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị Mỹ H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Con chung của anh T và chị H tên Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, cho anh T và chị H được ly hôn với nhau, về con chung Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 anh T đang nuôi để anh T được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn và theo nguyện vọng của hai con được sống chung với anh T. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả anh T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Bùi Thị Mỹ H có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của anh Trần Quốc T khởi kiện xin ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ H và yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh T và chị H chung sống với nhau năm 2004 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08, 09 Luật hôn nhân và gia đình hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh T và chị H tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh anh T và chị H đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân 04 năm nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại bản tự khai, ngày 28/3/2022 và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, về con chung chị đồng ý để anh T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã hòa giải hai lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đến và tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin được ly hôn với chị H là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T và chị H được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy con Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 là con của anh T và chị H, trong thời gian vợ chồng ly thân 04 năm con chung Trần Thị Yến N và Trần Quốc D sống với anh T, được anh T nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và tại biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2022 con chung Trần Thị Yến N và Trần Quốc D có nguyện vọng được sống chung với anh T. Tại phiên tòa anh T xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để con chung Trần Thị Yến N và Trần Quốc D có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao con chung Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Quốc T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Trần Quốc T và chị Bùi Thị Mỹ H được ly hôn với nhau.

Về nuôi con tên: Anh Trần Quốc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Thị Yến N, sinh ngày 13/10/2004 và Trần Quốc D, sinh ngày 30/6/2006 sau khi ly hôn.

Chị Bùi Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Trần Quốc T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008240 ngày 02/3/2022 do anh T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, anh Trần Quốc T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND t t ML,
huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh